TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VŨ THƯ** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2020/HS-ST
Ngày 31-12-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨ THƯ - TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nhiễu.

2. Ông Phạm Đức Hiển.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hương - Thư ký Toà án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Ông Phạm Thanh Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm C khai vụ án hình sự thụ lý số: 81/2020/HSST ngày 25 tháng 11 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2020/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 12 năm 2020 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn C, sinh ngày 03/9/1998 tại Thái Bình.

Nơi cư trú: thôn H, xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: Lớp 9/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không, Giới tính: Nam; Con ông Nguyễn Xuân M và bà Tống Thị Thúy N; Bị cáo chung sống như vợ chồng với chị Bùi Thị V, sinh ngày 20/6/2003, có một con chung, sinh ngày 11/6/2020; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo không bị bắt, tạm giữ, tạm giam, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

- *Bị hại:* Chị Tống Thị N, sinh năm 1981; Nơi cư trú: thôn H, xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình. Có mặt.

* Người làm chứng:

- Anh Phạm Văn H, sinh năm 1978;

- Ông Phạm Văn Đ, sinh năm 1956;

- Bà Tống Thị Thúy N, sinh năm 1979;

- Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1997;

- Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1941;

Đều trú tại: thôn H, xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình.

(Bà N, chị H có mặt, anh H, ông Đ, bà N vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án Đ tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ ngày 21/9/2020, Nguyễn Văn C đi xe mô tô đến nhà chị Tống Thị N để nói chuyện, làm rõ việc chị N có nhắn tin qua mạng xã hội Facebook với bố đẻ của C. Lúc này anh Phạm Văn H (là chồng chị N) và ông Phạm Văn Đ (là bố đẻ anh H) đang ở nhà. Anh H trả lời chị N không có nhà. C bảo anh H đi tìm chị N về để C nói chuyện thì giữa C với anh H, ông Đ xảy ra cãi nhau, Đ chị Nguyễn Thị Thu H, (là chị gái của C) đến can ngăn. Sau đó, C ngồi trên xe ở sân đợi chị N, chị H đi về nhà, anh H đi tìm chị N, ông Đ đi về nhà ông Đ ở bên cạnh. C thấy xe mô tô màu trắng của chị N để ở sân nên nghĩ chị N ở trong nhà. Lúc này trong nhà không có ai, gian ngoài bật điện, hai gian phòng ngủ bên trong không bật điện. C dùng chiếc đèn pin mang sẵn trong người soi và đi vào gian phòng ngủ phía Tây tìm chị N nhưng không thấy nên nảy sinh ý định lấy tài sản của chị N để cảnh cáo. Thấy góc tường có kê một bàn học, bên dưới mặt bàn có ngăn tủ đang đóng. C cầm vào tay nắm kéo thì cánh tủ mở ra, thấy bên trong có 02 chiếc ví. Trong đó 01 chiếc ví giả da màu đỏ, có quai đeo, bên trong có số tiền 2.700.000 đồng, gồm: 01 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng, 04 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng, còn lại là các tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng, 50.000 đồng, 20.000 đồng, 10.000 đồng, số tiền này buổi chiều chị N đi chợ về đã đếm kỹ và dùng dây chun màu đỏ buộc cố định hai vòng. 01 chiếc ví giả da tối màu, mặt ngoài nắp khóa dạng cúc bấm, có chữ "love", bên trong có số tiền 1.500.000 đồng, gồm: 03 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng. C để 02 chiếc ví trên nền đất, lấy ở mỗi ví một số tờ tiền (không lấy hết) rồi lại để 02 chiếc ví vào ngăn tủ như trước. Số tiền lấy Đ, C cho vào túi quần phía sau bên phải rồi ra sân, lấy xe mô tô đi về nhà. Sau đó, C đi xe mô tô từ nhà đến thành phố Thái Bình. Trên đường đi, C rải các tờ tiền chiếm đoạt Đ của chị N xuống đường ở nhiều địa điểm khác nhau. Khi đến gần trụ sở 09 tầng của C an tỉnh Thái Bình thì C rải hết số tiền này. Đến khoảng 19 giờ 45 phút cùng ngày, chị N về nhà kiểm tra thấy bị mất tiền, trong đó số tiền trong chiếc ví giả da màu đỏ là 2.700.000 đồng, bị mất 1.950.000 đồng, còn lại 750.000 đồng; số

tiền trong chiếc ví giả da tối màu là 1.500.000 đồng, bị mất 1.000.000 đồng, còn lại 500.000 đồng. Tổng số tiền chị N bị mất là 2.950.000 đồng.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như trên. Lời khai của bị hại, lời khai của những người làm chứng đều thể hiện như lời khai của bị cáo.

Bản cáo trạng số 84/CT-VKSVT ngày 24/11/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình truy tố bị cáo về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 50; Điều 36 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo từ 09 (chín) tháng đến 01 (một) năm cải tạo không giam giữ, Đề nghị không khấu trừ thu nhập của bị cáo; Đề nghị miễn áp dụng hình phạt bổ sung cho bị cáo; Về vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự để tịch thu tiêu hủy 02 chiếc ví giả da đã thu của chị N; 01 đôi dép cao su màu xanh trắng đã thu của bị cáo. Về bồi thường thiệt hại: Bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu gì nên không đặt ra giải quyết; Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo xin lỗi bị hại, bị cáo rất ân hận về hành vi của mình, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã Đ tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, Người tiến hành tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử vụ án Đ thực hiện đúng theo quy định của pháp luật về thẩm quyền, trình tự, thủ tục nên các hành vi, quyết định tố tụng trong vụ án này là hợp pháp. Bị cáo, bị hại không khiếu nại hay có ý kiến gì.

[2] Về căn cứ kết tội đối với bị cáo: Xét thấy lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, truy tố và lời khai bị hại, người làm chứng và Đ chứng minh bằng: Biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường, bản ảnh hiện trường do C an huyện Vũ Thư lập ngày 22/9/2020; Biên bản kiểm tra điện thoại; tin nhắn trên mạng xã hội Facebook giữa Nguyễn Văn C với chị gái là Nguyễn Thị Thu H vào ngày 22/9/2020, thể hiện C thừa nhận với chị gái về việc lấy tiền của chị N, mục đích để cảnh cáo chị N; Biên bản xác định hiện trường những vị trí mà Nguyễn Văn C trình bày đã rải tiền của chị N trên

đường đi; biên bản truy tìm vật chứng và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 21/9/2020, tại nhà chị Tống Thị N ở thôn H, xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình, lợi dụng khi không có ai ở nhà, Nguyễn Văn C đã vào phòng ngủ, lén lút trộm cắp số tiền 2.950.000 đồng (Hai triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng) của chị N để trong 02 chiếc ví ở trong ngăn tủ bàn học. Hành vi của bị cáo đã phạm tội "Trộm cắp tài sản", tội phạm và hình phạt Đ quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Điều 173. Bộ luật hình sự "Tội trộm cắp tài sản", quy định:

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm...

[3] Xét tính chất, mức độ hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của C dân, xâm phạm đến trật tự trị an xã hội. Bị cáo đã biết rõ việc chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý.

[4] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo và hình phạt: Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào và Đ hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, h, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự là đã bồi thường khắc phục hậu quả; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự là người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ hình phạt, có nơi cư trú rõ ràng, là người lao động nhất thời phạm tội nên cần áp dụng Điều 36 Bộ luật Hình sự xử phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo, giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục cũng đủ điều kiện giáo dục cải tạo bị cáo thành C dân tốt. Bị cáo lao động tự do nên không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo nhất thời phạm tội, hoàn cảnh gia đình khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Về xử lý vật chứng và bồi thường thiệt hại: 02 chiếc ví giả da đã thu của chị N, chị N xác định không còn giá trị sử dụng; 01 đôi dép cao su màu xanh trắng, dưới đế có dòng chữ "MZD-709, bị cáo xác định không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy. 01 đèn pin bị cáo dùng để soi khi trộm cắp bị cáo đã đánh mất, không tìm được. Chị N đã nhận đủ số tiền số tiền 2.950.000 đồng, không có yêu cầu gì thêm nên không đặt ra giải quyết về bồi thường thiệt hại.

[6] Tài liệu điều tra xác định Nguyễn Văn C chung sống như vợ chồng với chị Bùi Thị V, sinh ngày 20/6/2003, có 01 con chung, sinh ngày 11/6/2020; chị V chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn. Khoảng tháng 9/2019 giữa C và chị V có quan hệ tình dục, tự nguyện, không có sự cưỡng ép; khi đó chị Vui đã trên 16 tuổi. Hành vi của C không cấu thành tội Giao cấu với người dưới 16 tuổi. Sau khi chị V có thai, hai bên gia đình tổ chức đám cưới cho C và chị V vào ngày 18/02/2020, xét thấy ông Nguyễn Xuân M, bà Tống Thị Thúy N (bố, mẹ đẻ bị cáo) và bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1965, trú tại thôn T, xã V, thành phố T (mẹ đẻ chị V) chưa bị xử phạt hành chính về hành vi tổ chức tảo hôn, do đó hành vi của những người này không cấu thành tội Tổ chức tảo hôn. Cơ quan điều tra đã có văn bản gửi Ủy ban nhân dân xã V, thành phố Thái Bình và Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình đề nghị xem xét, xử lý theo quy định pháp luật.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36; Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106, Điều 135, Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[1]. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn C phạm tội "Trộm cắp tài sản".

[2]. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ.

Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ của bị cáo tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục bị cáo nhận được Quyết định thi hành án và bản sao Bản án. Giao bị cáo Nguyễn Văn C cho Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Miễn khấu trừ thu nhập trong thời gian cải tạo không giam giữ đối với bị cáo Nguyễn Văn C.

[3]. Xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 02 chiếc ví giả da đã thu của chị Tống Thị N; 01 đôi dép cao su màu xanh trắng đã thu của bị cáo.

(Vật chứng đang Đ Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 24/11/2020)

[4]. Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Nguyễn Văn C, bị hại chị Tống Thị N được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 31/12/2020.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận
- Bị cáo;
- Bị hại
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình;
- C an huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình;
- Tòa án tỉnh Thái Bình;
- Sở Tư pháp;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hương